

MỤC LỤC

THƠ VĂN LÝ TRẦN

TẬP III

	Trang
— Lời dẫn	7
— Bảng viết tắt một số tác phẩm và ký hiệu dùng trong sách	11

PHẦN THƠ VĂN

NGUYỄN TỬ THÀNH

1. Tư đồ cố cư (Nơi ở cũ của quan Tư đồ)	15
2. Thu nhật ngẫu thành (Ngày thu ngẫu hứng)	16
3. Tiểu đồ vũ (Trách chim quốc)	17
4. U cư (Chỗ ở thanh u)	18
5. Cổ viên (Vườn xưa)	19
6. Xuân nhật khê thượng văn hành (Chiều xuân dạo chơi bên hồ suối)	20
7. Tích xuân (Tiết xuân)	20
8. Xuân giao văn hành (Chiều xuân dạo chơi vùng ngoại ô)	21
9. Chu trung văn thiếu (Trong thuyền ngắm cảnh chiều hôm)	22
10. Giản Kính Khê Phạm Tông Mại (Gửi Kính Khê Phạm Tông Mại)	23
11. Sơ xuân (Đầu xuân)	24

NGUYỄN ỨC

12. Đồ mi (Hoa đồ mi)	26
13. Điều dai (Chòi câu)	27
14. Bạc chu Ứng Phong đình ngẫu đề (Đậu thuyền bên đình Ứng Phong ngẫu hứng đề thơ)	28
15. Động Nhiên phong hữu cảm (Cảm xúc khi qua đỉnh Động Nhiên)	29

16. *Trùng dương tiền nhật nhật đáo Cúc Đường cựu cư hữu cảm* (Cảm xúc khi đến ngôi nhà cũ của Cúc Đường vào ngày trước tết Trùng dương) 3
17. *Trai tiền bốn tử lan hoa* (Chậu hoa lan trước nhà) 3
18. *Tống nhân bắc hành* (Tiễn người đi phương Bắc) 3
19. *Đề « cổ bộ hạc đồ »* (Đề tranh « Cổ bộ hạc đồ ») 3
20. *Đại tạ ngự tứ mặc họa long* (Thay người tạ ơn vua ban cho bức tranh rồng thủy mặc) 3
21. *Tống Cúc Đường chủ nhân chinh Thích-Na* (Tiễn Cúc Đường chủ nhân đi đánh giặc Thích Na) 3
22. *Thu dạ dĩ cổ nhân Chu Hà thoại cựu* (Đêm thu cùng bạn cũ Chu Hà kể lại chuyện đã qua) 3
23. *Chu quả Bắc Giang Tiên Du tác* (Thơ làm khi thuyền qua Tiên Du Bắc Giang) 3
24. *Thư hoài phụng trình Cúc Đường chủ nhân* (Ghi nỗi lòng, vâng trình Cúc Đường chủ nhân) 4
25. *Văn Tư đồ công* (Viếng quan Tư đồ) 4
26. *Nguyên nhật yết Diên Quang tự Nguyệt Đàm thượng nhân* (Mùng một tết yết kiến thượng nhân Nguyệt Đàm ở chùa Diên Quang) 4
27. *Tống thị thần Mạc Đình Phu sứ Nguyên*, (Tiễn thị thần Mạc Đình Phu đi sứ nhà Nguyên) 4
28. *Xuân nhật thôn cư* (Ngày xuân ở nông thôn) 4
29. *Khách ách họa hữu nhân vận* (Nơi quán khách họa thơ bạn) 4
30. *Lạc mai* (Hoa mai rụng) 4
31. *Biên tập Cúc Đường di cảo cảm tác* (Cảm tưởng khi biên tập cuốn di cảo của Cúc Đường) 5

CHU VĂN AN

32. *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kinh* (Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du) 53
33. *Đề Dương Công Thủy Hoa đình* (Đề đình Thủy Hoa của Dương Công) 54
34. *Linh Sơn tạp hứng* (Tạp hứng ở Linh Sơn) 56
35. *Thôn Nam sơn tiêu khê* (Tạm nghỉ ở núi Thôn Nam) 57
36. *Cung họa ngự chế động chương* (Kính họa thơ vua) 58
37. *Thanh Lương giang* (Sông Thanh Lương) 59
38. *Thư vận tặng Thủy Vân đạo nhân* (Họa vãn tặng Thủy Vân đạo nhân) 60
39. *Xuân đán* (Sáng mùa xuân) 61
40. *Miết Trì* (Miết Trì) 62
41. *Giang Đình tác* (Làm thơ ở Giang Đình) 63
42. *Sơ hạ* (Đầu mùa hè) 65
43. *Vọng Thái lăng* (Trông về Thái lăng) 66

HỒ TÔNG THỐC

44. *Du Đông Đình hoa Nhị Khê nguyên vận* (Qua chơi Đông Đình, họa nguyên vãn thơ của Nhị Khê) 68

45. Đề Hạng Vương từ (Đề đền Hạng Vương)	69
46. Từ Ân tự bi minh tịnh tự (Bài minh và tự ở bia chùa Từ Ân)	72
47. Việt Nam thế chí tự (Bài tựa sách « Việt Nam thế chí »)	76

PHẠM SỰ MẠNH

48. Hành dịch dâng gia sơn (Nhân đi việc quan, lên chơi núi quê nhà)	79
49. Đồng Sơn tự hồ thượng lầu (Lầu trên hồ chùa Đồng Sơn)	81
50. Quá Hoàng Long động (Qua động Hoàng Long)	82
51. Quá Tiêu Tương (Qua Tiêu Tương)	83
52. Đề Cam Lộ tự (Đề chùa Cam Lộ)	84
53. Chu trung tức sự (Thơ tức sự trên thuyền)	85
54. Quá An phủ Nguyễn Sĩ Cố phần (Qua mộ An phủ Nguyễn Sĩ Cố)	86
55. Đăng Dục Thúy sơn lưu đề (Lên núi Dục Thúy đề thơ)	87
56 - 57. Hồ giá Thiên Trường thư sự (Ghi lại việc hầu vua về Thiên Trường)	88
58. Xuân nhật ừng chế (Ngày xuân họa thơ vua)	91
59. Du Phật Tích sơn ngẫu đề (Đi chơi núi Phật Tích ngẫu nhiên đề thơ)	93
60. Tiễn Vũ Văn Đồng nhất dụ Chiêm Thành quốc (Tiễn Vũ Văn Đồng đi dụ Chiêm Thành)	94
61. Ô Giang Hạng Vũ miếu (Miếu Hạng Vũ ở Ô Giang)	96
62. An Thao Giang lộ (Đi kinh lý lộ Thao Giang)	98
63. Hành quận (Đi kinh lý trong quận)	99
64. Tuần thị Chân Đẳng châu (Tuần tra châu Chân Đẳng)	101
65. Đề Gia Cát thạch (Đề đá Gia Cát)	102
66 - 67. Đăng Thiên kỳ sơn lưu đề (Lên núi Thiên Kỳ đề thơ lưu niệm)	103
68. Đề Hiệp Sơn Bảo Phúc Nham (Đề động Bảo Phúc ở huyện Hiệp Sơn)	106
69. Quan bắc (Phía bắc cửa ải)	107
70. Đề Đông Triều hoa nham (Đề thơ núi Hoa Nham, Đông Triều)	108
71. Lạng Sơn đạo trung (Trên đường Lạng Sơn)	109
72. Tam Thanh động (Động Tam Thanh)	110
73. Thượng Ngao (Thượng Ngao)	112
74. Quang Lang đạo trung (Trên đường đi Quang Lang)	113
75. Chi Lăng động (Động Chi Lăng)	114
76. Đề Báo Thiên tháp (Đề tháp Báo Thiên)	115
77 - 80. Họa Đại Minh sứ Dư Quý (Họa thơ Dư Quý sứ thần Minh)	117
81 - 83. Họa đại Minh sứ Đề Nhị Hà dịch (Họa thơ « Đề trạm Nhị Hà » của sứ thần Minh)	121
84 - 85. Tái họa Đại Minh Quốc sứ Dư Quý (Lại họa thơ sứ thần Minh Dư Quý)	123
86. Tống Đại Minh Quốc sứ Dư Quý (Tiễn sứ thần Minh Dư Quý)	125
87 - 88. Sơn hành (Đi trên núi)	126
89. Đăng Hoàng Lâu lầu bút thị Bắc sứ Thị giảng Dư Gia Tân (Lên Hoàng Lâu viết vôi văn thơ đưa sứ Bắc Thị giảng Dư Gia Tân)	128

90. *Sùng Nghiêm sự Vân Lỗi sơn Đại Bi tự* (Chùa Sùng Nghiêm núi Vân Lỗi thờ tượng Đại Bi) 131

ĐỒNG NGẠN HOÀNG

91. *Họa Phạm Hiệp Thạch vận* (Họa văn thơ Phạm Hiệp Thạch) 135

LÊ QUÁT

92. *Tổng Phạm Công Sư Mạnh bắc sứ* (Tiền Phạm Sư Mạnh đi sứ phương bắc) 137
 93 - 94. *Thư hoài* (Nỗi lòng) 138
 95. *Đồng hồ* (Con hồ bằng đồng) 140
 96. *Nhạn túc đăng* (Đèn chân nhận) 141
 97. *Cưu trượng* (Gậy cưu) 142
 98. *Đăng cao* (Lên cao) 143
 99. *Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc tự bi ký* (Bài văn bia chùa Thiệu Phúc ở thôn Bái, tỉnh Bắc Giang) 144

NGUYỄN CỐ PHU

100. *Bắc sứ ứng tỉnh đường mệnh tịch thượng phủ thi* (Bắc sứ phương bắc, theo mệnh quan tỉnh, làm thơ ngay giữa tiệc) 146

TRẦN NGUYỄN ĐÁN

101. *Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế đề Thiên Trường phủ Trùng Quang cung* (Họa bài thơ của Thái thượng hoàng đề ở cung Trùng Quang) 149
 102. *Cử nguyệt đối cức canh ngự chế thi vận* (Tháng chín ngắm cức họa bài thơ của nhà vua) 150
 103. *Phụng canh thánh chế « Quan Đức điện từ tiến sĩ cập đệ yển » thi vận* (Họa văn bài thơ « Ban yển cho những người đỗ Tiến sĩ ở điện Quan Đức » của nhà vua) 151
 104. *Phụng canh ngự chế « Thu hoài » thi vận* (Họa văn bài thơ « Thu hoài » của nhà vua) 152
 105. *Cử nguyệt tam thập nhật dạ hữu cảm* (Cảm xúc đêm ba mươi tháng chín) 153
 106. *Chí Linh sơn Phụng Hoàng phong* (Đỉnh Phụng Hoàng ở núi Chí Linh) 154
 107. *Bảo Nghiêm tháp* (Tháp Bảo Nghiêm) 156
 108. *Đề Huyền Thiên Tử Cực cung* (Đề cung Tử Cực ở động Huyền Thiên) 157
 109. *Sơn trung ngẫu thành* (Trong núi ngẫu nhiên làm thành thơ) 158
 110. *Tiều vũ* (Mưa nhỏ) 160
 111. *Cử nguyệt hữu nhân lai phông đồng tác* (Tháng chín có người đến thăm cùng làm thơ) 161
 112. *Tặng Chu Tiều Ân* (Tặng Chu Tiều Ân) 163
 113. *Hạ Tiều Ân Chu liên sinh bài Quốc tử giám Tư nghiệp* (Mừng ông Chu Tiều Ân được bổ chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám) 164
 114. *Canh Đồng Tri phủ hữu ty Mai Phong Lê công vận* (Họa văn thơ của ông Đồng Tri phủ hữu ty Lê Mai Phong) 165

115. <i>Thu nhật</i> (Ngày thu)	167
116. <i>Đông Triều thu phiếm</i> (Mùa thu thả thuyền ra chơi ở Đông Triều)	168
117. <i>Đề Nguyệt Giản Đạo lục thái cực chỉ Quan Điện đường</i> (Đề nhà Quan Điện của Đạo lục thái cực ở Nguyệt Giản)	169
118. <i>Lão lai</i> (Già đến)	170
119. <i>Mai thôn Đề hình dĩ « Thành Nam đối cú » chỉ tác kiến thi, nãi thái kỳ vận</i> (Quan Đề hình Mai thôn cho xem bài thơ « Ngắm cú thành Nam », nhân họa theo vần)	171
120. <i>Hạ Giới Hiên công trừ nhĩp Hữu bộc xạ</i> (Mừng ông Giới Hiên được bổ chức Hữu bộc xạ)	173
121. <i>Dụng Hồng Châu Đồng úy Phạm công vận phụng trình khảo thí chư công</i> (Dùng vần thơ của quan Đồng úy Hồng Châu là Phạm công để đưa trình các ông đang chấm thi)	174
122. <i>Tổng Long Nham qui Diễn Châu</i> (Tiễn Long Nham về Diễn Châu)	175
123. <i>Hồng cú hoa</i> (Hoa cú đỏ)	177
124. <i>Chinh Túc Vương gia yến tịch thượng, phú mai thi, thực Giới Hiên Bộc xạ vận</i> (Trên tiệc rượu ở nhà Chinh Túc Vương làm thơ vịnh mai, họa vần thơ của quan Bộc xạ là Giới Hiên)	178
125. <i>Tổng Bình Tây Đô đốc Trang Định Đại vương phụng chiếu chinh Chiêm Thành</i> (Tiễn Bình Tây Đô đốc Trang Định Đại vương phụng chiếu đánh Chiêm Thành)	179
126. <i>Sơn trung khĩn hưng</i> (Trong núi cảm hưng)	181
127. <i>Tặng Mẫn Túc</i> (Tặng Mẫn Túc)	182
128. <i>Quân trung hữu cảm</i> (Cảm xúc khi ở trong quân)	184
129. <i>Quân trung tác</i> (Làm ở trong quân)	185
130. <i>Thanh Hóa phủ đạo trung</i> (Trên đường phủ Thanh Hóa)	186
131. <i>Đề Phả Lại sơn Đại minh tự dụng Thiếu bảo Trương công vận</i> (Dùng vần thơ của quan Thiếu bảo Trương công để chùa Đại Minh ở núi Phả Lại)	187
132. <i>Đáp Lương Giang Nạp ngôn bệnh trung</i> (Trả lời quan Nạp ngôn Lương Giang trong khi ốm)	189
133. <i>Gia đệ kiến Tiểu Đô đốc thị tảo mai thi, nhân canh ký vận dĩ tặng</i> (Người em trai được Tiểu Đô đốc cho xem thơ vịnh mai sớm, nhân họa vần đề tặng)	190
134. <i>Ngẫu đề</i> (Ngẫu đề)	192
135. <i>Canh thí cục chư sinh xướng thù giai vận</i> (Họa vần bài thơ xướng họa của các thí sinh ở trường thi)	193
136. <i>Dụng Đỗ Tôn Trai vận, trình thi viện chư công</i> (Dùng vần thơ của ông Đỗ Tôn Trai làm thơ gửi các ông trong trường thi)	194
137. <i>Đề Quan Lỗ Ba thi tập hậu</i> (Đề sau tập thơ Quan Lỗ Ba)	196
138. <i>Đề Sùng Hư lão túc</i> (Đề chỗ ở cũ của Sùng Hư)	197
139. <i>Ký tặng Nhị Khê Kiểm chính Nguyễn Ứng Long</i> (Gửi tặng Kiểm chính Nguyễn Ứng Long ở Nhị Khê)	198

140. *Phụng tiễn Xu phủ Tây chinh hành quân Đô tổng quản Lê công* (Tiễn Xu phủ Tây chinh hành quân Đô tổng quản Lê công) 200
141. *Họa Hồng Châu Kiểm chinh vận* (Họa bài thơ của viên Kiểm chinh ở Hồng Châu) 201
142. *Phụng canh Thái Tông Chính Bình chương vận* (Kính họa văn bài thơ năm Chính Bình của Thái Tông) 203
143. *Canh Tân Bình An phủ Phạm công Sư Mạnh « Tân Bình thư sự » vận* (Họa văn bài thơ « Tân Bình thư sự » của quan An phủ sứ trấn Tân Bình Phạm Sư Mạnh) 204
144. *Từ Tiễn sĩ* (Tặng Tiễn sĩ) 205
145. *Đề Huyền Thiên quán* (Đề quán Huyền Thiên) 207
146. *Phụng canh ngự chế « Hoàng mai tức sự »* (Kính họa văn thơ « Hoàng mai tức sự » của nhà vua) 208
147. *Nhâm dần niên lục nguyệt tác* (Thơ làm vào tháng Sáu năm Nhâm dần (1362)) 208
148. *Mậu thân chính nguyệt tác* (Thơ làm vào tháng Giêng năm Mậu thân (1368)) 209
149. *Dạ quý chu trung tác* (Thơ làm trong lúc đêm đi thuyền về) 210
150. *Dạ thám ngẫu tác* (Thơ làm lúc đêm khuya) 211
151. *Bất寐* (Không ngủ) 212

ĐỖ TỬ VỊ

152. *Quá Việt Tĩnh cương* (Qua đồi Việt Tĩnh) 213
153. *Hạ Hồ Thành trùng Trang nguyên* (Mừng Hồ Thành đỗ Trạng nguyên) 214

TRẦN PHỦ (Trần Nghệ Tông)

154. *Tống Bắc sứ Ngưu Lượng* (Tiễn sứ phương bắc Ngưu Lượng) 217
155. *Vọng Đông Sơn Liễu Nhiên am* (Trông am Liễu Nhiên ở Đông Sơn) 218
156. *Hạnh Gia Hưng trấn kỳ đệ Cung Tuyên Vương* (Đến trấn Gia Hưng gửi cho em là Cung Tuyên Vương) 219
157. *Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường* (Đề nhà thờ quan Tư đồ Trần Nguyên Đán) 220
158. *Đề Siêu Loại Báo Ân tự* (Đề chùa Báo Ân ở Siêu Loại) 221
159. *Côn Sơn Thanh Hư động bi minh* (Bài minh khắc vào bia động Thanh Hư ở Côn Sơn) 223

ĐÀO SƯ TÍCH

160. *Cảnh Tinh phú* (Phú sao Cảnh Tinh) 227

TRẦN ĐÌNH THÂM

161. *Đề thu giang tống biệt đồ* (Đề bức tranh tiễn biệt trên sông mùa thu) 232
162. *Văn Vương Thiếu bảo Nhữ Chu* (Viếng quan Thiếu bảo Vương Nhữ Chu) 233

TRẦN CÔNG CẦN

163. *Xuân nhật du Sơn tự* (Ngày xuân chơi chùa trên núi) 235
 164. *Bàn Khê điệu huỳnh phủ* (Bài phú câu ngọc huỳnh ở Bàn Khê) 237

TRẦN HẠO (Trần Dụ Tông)

165. *Đường Thái Tông dật bản triều Thái Tông* (Vua Thái Tông nhà Đường với vua Thái Tông triều ta) 241

HỒ QUÝ LY

166. *Kỷ Nguyên quân* (Gửi Nguyên quân) 244
 167. *Đáp Bắc nhân vấn An Nam phong tục* (Trả lời người phương bắc hỏi về phong tục nước An Nam) 245
 168. *Tử Trung úy Đỗ Tử Trùng* (Ban cho Trung úy Đỗ Tử Trùng) 247
 169. *Từ Thăng Hoa lộ Tuyên phủ sứ Nguyễn Ngạn Quang* (Ban cho Nguyễn Ngạn Quang, Tuyên phủ sứ lộ Thăng Hoa) 248
 170. *Cảm hoài* (Cảm hoài) 249

VIỆT SỬ LƯỢC

171. *Tiền Ngô Vương* (Tiền Ngô Vương) 253
 172. *Tiên vương* (Tiền vương) 255
 173. *Đại Hành Vương* (Đại Hành Vương) 261
 174. *Cao Tông* (Cao Tông) 272

TÀ THÚC NGAO

175. *Sùng Khánh tự bi minh tịnh tự* (Bài minh và bài tựa về chùa Sùng Khánh) 287

TRẦN THIÊN TRẠCH

176. *Đề Phạm Điện soái gia trang* (Đề trang trại của Điện soái Phạm) 292

LƯU THƯỜNG

177. *Tuyệt mệnh thi* (Thơ tuyệt mệnh) 294

TRẦN NGẠC

178. *Tặng Tư đồ Nguyễn Đán* (Tặng Tư đồ Nguyễn Đán) 296

PHẠM NHÂN KHANH

179. *Hồ bãi Sơn Lăng hồi kinh* (Hầu vua đi bãi yết Sơn Lăng về kinh) 298
 180. *Phụng Bắc sứ cung ngộ Hy Lăng Đại tướng nhật hữu cảm* (Phụng mệnh đi sứ phương bắc cảm xúc nhân gặp ngày Đại tướng của Hy Lăng) 300
 181. *Thủ tuế* (Giữ năm) 301
 182. *Xuân du* (Chơi xuân) 302
 183. *Thu dạ* (Đêm thu) 304

184. <i>Thất tịch (Đêm thất tịch)</i>	305
185. <i>Thất tịch (Đêm thất tịch)</i>	307
186. <i>Nhạn tư (Chữ nhận)</i>	308
187. <i>Tân trúc (Trúc non)</i>	309
188. <i>Phật Tích Liên trì (Ao sen chùa Phật Tích)</i>	311
189. <i>Tặng Bát Than tỷ tướng (Tặng Tỷ tướng Bát Than)</i>	312
190. <i>Tặng Nam Đường công Trần Kinh lược (Tặng quan Kinh lược họ Trần ở Nam Đường)</i>	313
191. <i>Tổng Lãm Sơn Quốc sư hoàn sơn (Tiễn Quốc sư Lãm Sơn về núi)</i>	315
NGUYỄN NHỮ BẬT	
192. <i>Quan Chu nhạc phủ (phủ Xem nhạc nhà Chu)</i>	317
NGUYỄN PHÁP	
193. <i>Cần Chính lâu phủ (Phủ Lâu Cần Chính)</i>	323
KHUYẾT DANH	
194. <i>Thang bàn phủ (Phủ Cái chận của vua Thang)</i>	329
KHUYẾT DANH	
195. <i>Đồng Hồ bút phủ (Phủ Về ngọn bút của Đồng Hồ)</i>	334
SỬ HY NHAN	
196. <i>Trảm xà kiếm phủ (Phủ Kiếm chém rắn)</i>	341
CHU ĐƯỜNG ANH	
197. <i>Đề Đường Minh Hoàng dục mã đồ (Đề bức tranh Đường Minh Hoàng tắm ngựa)</i>	345
198. <i>Đề quần ngư triều lý đồ (Đề bức tranh bày cá châu cá chép)</i>	347
NGUYỄN QUÍ ỨNG	
199. <i>Đề Ngổ Khê (Đề cảnh Ngổ Khê)</i>	350
200. <i>Hoành Châu thứ Vương Bồng Trai vận (Qua Hoành Châu họa vãn thơ của Vương Bồng Trai)</i>	352
VŨ THẾ TRUNG	
201-204. <i>Lan cốc (Lan trong núi)</i>	354
TRẦN QUAN	
205. <i>Quan xá (Đề nơi Quan xá)</i>	357
CHU KHẮC NHƯỢNG	
206. <i>Đề Sài Trang Vĩnh Hưng tự (Đề chùa Vĩnh Hưng ở Sài Trang)</i>	359

DOÃN AN PHỦ

207. *Phụng sứ lưu biệt thân đệ* (Phụng mệnh đi sứ từ biệt em trai) 361

LÊ LIÊM

208. *Vũ Lâm động* (Động Vũ Lâm) 363

TẠ THIÊN HUÂN

209. *Quá Phù Đồng độ* (Qua bến đò Phù Đồng) 365
 210. *Tức sự* (Tức sự) 366
 211-222. *Lan* (Lan) 367

TRẦN LÔI

223. *Quá Phong Khê* (Qua đất Phong Khê) 373

ĐOÀN XUÂN LÔI

224. *Diệp mã nhi phú* (Phú Con ngựa lá) 376

NGUYỄN PHI KHANH

225. *Tị khẩu sơn trung* (Vào núi lánh giặc) 381
 226. *Quan vi kỳ* (Xem đánh cờ vây) 383
 227. *Dữ Chương Giang đồng niên Trương Thái học* (Gửi bạn đồng niên là Thái học sinh họ Trương ở Chương Giang) 384
 228. *Bồi Bằng Hồ Tương công du Xuân Giang* (Theo Tương công Bằng Hồ đi chơi sông Xuân Giang) 386
 229. *Hạ Kinh Triệu doãn Nguyễn công vi Vân Đồn kinh lược sứ* (Mừng quan Triệu doãn kinh đô Nguyễn Công đi làm Kinh lược sứ ở Vân Đồn) 387
 230. *Trùng du Xuân Giang hữu cảm* (Cảm xúc khi đi chơi sông Xuân Giang lần thứ hai) 389
 231. *Thu thành viễn vọng* (Chiều thu đứng trông ở trên thành) 390
 232. *Giáp tý hạ hạn, hữu sắc chư lộ đảo vũ, vị đảo nhi tiến vũ* (Mùa hạ năm Giáp tý (1384) hạn hạn, vua có sắc cho các lộ cầu mưa, chưa cầu trời đã mưa) 391
 233. *Thôn gia thú* (Thú quê nhà) 393
 234. *Du Phật Tích sơn đối giang ngẫu tác* (Chơi núi Phật Tích, đối diện với giòng sông, ngẫu nhiên làm thơ) 394
 235. *Thu nhật khiển hừng* (Khiến hừng ngày thu) 395
 236. *Ngẫu tác* (ngẫu nhiên làm thơ) 396
 237. *Gia viện lạc* (Thú quê nhà) 398
 238. *Thượng Hồ Thừa chỉ Tông Thốc* (Đàng lên quan Thừa chỉ Hồ Tông Thốc) 399
 239. *Xuân hàn* (Rét mùa xuân) 401
 240-241. *Tâu dĩ đa ư, vị tức bồi Côn Sơn du, cảm niệm chi thâm, nhân thành bát cá luật nhị thủ, nhất dĩ tụng miếu đường chi hạ nhi hữu nhân thích chi thủ; nhất dĩ tả hung hoài chi tổ nhi bá ca vịnh chi thanh;*

- nhân lục trình Thanh Hư Động chủ: Tôi vì bận việc, chưa kịp theo đi thăm núi Côn Sơn, vẫn nặng lòng cảm nhớ, viết thành hai bài thơ Bát cú luật Đường; một là đề tụng đọc khi việc miếu đường rảnh rỗi mà được cái vui nhàn tản; một là đề tả cái sẵn có trong lòng phát lộ ra âm thanh ca vịnh xin chép lại đệ trình Chủ nhân động Thanh Hư 402
242. *Tống Trung sử Vũ Thích Chi* (Tiễn Trung sử Vũ Thích Chi) 405
243. *Thành trung hữu cảm ký trình đồng chí* (Gửi trình các bạn đồng chí những cảm khái khi ở trong thành) 407
244. *Hạ Trung thư Thị lang* (Mừng quan Thị lang tòa Trung thư) 408
245. *Hạ Tống, Lê, Đỗ tam Ngự sử* (Mừng ba quan Ngự sử họ Tống, họ Lê, họ Đỗ) 409
246. *Phụng chiếu Trường An đạo trung tác* (Thơ làm trong lúc phụng chiếu vua đi Trường An) 411
247. *Thiên Trường thi hậu hữu cảm* (Cảm xúc sau khi thi ở Thiên Trường) 412
248. *Thôn cư* (Ở xóm) 414
249. *Thu dạ tảo khôi kỷ Hồng Châu Kiểm chính* (Đêm thu dậy sớm gửi Kiểm chính Hồng Châu) 415
250. *Thu trung bệnh* (Ốm vào mùa thu) 417
251. *Khách xá* (Quán khách) 418
252. *Tống Kinh sư doãn Nguyễn công vi Hành doanh Chiêu thảo sứ* (Tiễn quan Kinh sư doãn họ Nguyễn đi nhậm chức Hành doanh Chiêu thảo sứ) 420
253. *Dụng Trịnh sinh lưu biệt vận dĩ biệt chi* (Dùng vần thơ lưu biệt của Trịnh sinh để từ biệt) 421
254. *Du Côn Sơn* (Chơi Côn Sơn) 423
255. *Từ Thiên Trường phủ phiêu quá hải khẩu ngộ phong* (Từ phủ Thiên Trường lệnh dênh ra cửa biển gặp gió) 424
256. *Cửu nguyệt Bàng Hồ Tương công tịch thượng* (Tháng chín, trong bữa tiệc của Tương công Bàng Hồ) 425
257. *Tống Hành nhân Đỗ Tông Chu* (Tiễn quan Hành nhân Đỗ Tông Chu) 427
258. *Hĩ Học sĩ Trần Nhược Hư tự Nghệ An chí* (Mừng Học sĩ Trần Nhược Hư từ Nghệ An đến) 428
259. *Tống Thái Trung Đại phu Lê Dung Trai Bắc hành* (Tiễn quan Thái trung Đại phu Lê Dung Trai đi sứ phương bắc) 430
260. *Phụng canh Bàng Hồ Tương công ký tặng Đỗ Trung Cao vận* (Phụng họa bài thơ của Tương công Bàng Hồ gửi tặng Đỗ Trung Cao) 431
261. *Tạ Bàng Hồ Tương công tứ mã* (Tạ ơn Tương công Bàng Hồ cho ngựa) 433
262. *Họa Chu Hàn lâm vị ương tảo triều* (Họa bài thơ vào châu vua lúc trời chưa sáng của quan Hàn lâm họ Chu) 434
263. *Thôn cư cảm sự ký trình Bàng Hồ Tương công* (Ở quê xúc động trước sự việc xảy ra gửi trình Tương công Bàng Hồ) 436
264. *Khách lộ* (Đường khách) 437
265. *Xương Phù nguyên niên đông, dư tự Nhị Khê ngụ vu thành nam khách xá, cảm kim niệm tích, nhân thành bát cú, phụng gián Tư hình Đại phu Đỗ công, kiêm gián chư đồng chí* (Mùa đông năm Xương Phù thứ nhất, dư tự Nhị Khê ngụ vu thành nam khách xá, cảm kim niệm tích, nhân thành bát cú, phụng gián Tư hình Đại phu Đỗ công, kiêm gián chư đồng chí) 437

tôi từ Nhị Khê đến ngụ tại nhà khách ở phía nam thành, cảm này nhớ xưa, nhân làm tám câu thơ gửi quan Tư hình Đại phu Đỗ công và những bạn đồng chí)	438
266. <i>Cửu nguyệt thôn cư độc chước</i> (Tháng chín ở xóm quê nhà uống rượu một mình)	440
267. <i>Thu nhật hiền khởi hữu</i> (Ngày thu sáng dậy cảm xúc nên thơ)	441
268. <i>Bạc Nguyễn gia lãng</i> (Cắm thuyền tại lãng nhà Nguyễn)	443
269. <i>Tam nguyệt sơ nhất nhật hiền khởi</i> (Ngày mùng một tháng ba, sáng dậy)	444
270. <i>Trừ dạ dụng Đỗ lão vận, chư quán tịch thượng đông tác</i> (Đêm ba mươi tết, dùng văn thơ của Đỗ Phủ cùng các bạn trong tiệc làm thơ)	446
271. <i>Tuyên chiếu bãi, biệt Vận phó Nguyễn Viêm</i> (Tuyên chiếu xong, từ biệt quan Vận phó Nguyễn Viêm).	447
272 — 273. <i>Hồng Châu kiểm chính dĩ dư vận tác thuật hoài thi, kiên phúc, dụng kỷ vận dĩ tặng.</i> (Kiểm chính Hồng Châu dùng văn của tôi để làm bài thơ thuật hoài, sau khi đọc, tôi lại dùng văn ấy làm thơ tặng anh)	449
274. <i>Hồng Châu phúc tiền vận, phúc ký đáp chi</i> (Hồng Châu phúc đáp văn bài trước, tôi lại gửi trả lời)	451
275. <i>Giang hành thư Hồng Châu Kiểm chính vận</i> (Đi trên sông, họa văn thơ của Kiểm chính Hồng Châu)	453
276. <i>Trung thu cảm sự</i> (Nhân tiết Trung thu, cảm xúc trước sự việc)	454
277. <i>Nguyên nhật, thưởng Băng Hồ Tướng công</i> (Ngày Nguyên đán, dâng lên Tướng công Băng Hồ)	456
278. <i>Sơn thôn cảm hứng</i> (Cảm hứng ở xóm núi)	457
279. <i>Cổ Sơn Phạm công thị dĩ «Tiểu phố» thi, thả đạo chư công tận dĩ canh họa; dư nhân mộ kỳ trần trung nhi hữu nhân thích chí thủ, y vận phú nhất luật</i> (Ông Phạm Cổ Sơn đưa bài thơ vịnh «Vườn nhỏ», lại nói các vị đều họa cả rồi; tôi nhân hâm mộ ở trong cội trần này mà có cái thú nhân tâm như thế, nhân theo văn họa lại một bài)	458
280. <i>Tống Thái học sinh Nguyễn Hán Anh qui Hồng Châu</i> (Tống Thái học sinh Nguyễn Hán Anh về Hồng Châu).	460
281. <i>Bệnh trùng hoài Hồng Châu Kiểm chính Nguyễn Hán Anh «Thu dạ» dĩ vận</i> (Trong khi ốm, nhớ văn thơ «Đêm thu» của Kiểm chính Hồng Châu Nguyễn Hán Anh).	461
282. <i>Mộ thu</i> (Cuối mùa thu)	463
283. <i>Thủ Đạo Khê Thái học «Xuân hàn» vận</i> (Đáp lại bài thơ «Rét mùa xuân» của Thái học Đạo Khê)	465
284. <i>Đề Huyền Thiên tự</i> (Đề chùa Huyền Thiên)	466
285. <i>Thu dạ lưu biệt Hồng Châu Kiểm Chính</i> (Đêm thu lưu biệt Kiểm chính Hồng châu)	467
286. <i>Bồi Băng Hồ Tướng công du Xuân Giang</i> (Theo Tướng công Băng Hồ đi chơi sông Xuân Giang)	469
287. <i>Thôn cư</i> (Chỗ ở trong xóm)	470
288. <i>Tặng Đông Triều Phạm tiên sinh</i> (Tặng tiên sinh họ Phạm ở Đông Triều)	471
289. <i>Hoàng Giang dạ vũ</i> (Mưa đêm ở Hoàng Giang)	472

290. <i>Hóa thành thần chung</i> (Tiếng chuông sớm ở Hóa thành)	473
291. <i>Thiên thánh hựu quốc tự tảo khởi</i> (Ở chùa Thiên thánh hựu quốc, dậy sớm)	474
292. <i>Chu trung ngẫu thành</i> (Trong thuyền ngẫu nhiên thành thơ)	475
293. <i>Thu dạ</i> (Đêm thu)	475
294. <i>Trung thu ngoạn nguyệt hữu hoài</i> (Trung thu ngắm trăng cảm hoài)	476
295—296. <i>Thiên Trường chu trung</i> (Trong thuyền ở Thiên Trường)	477
297. <i>Đông Ngàn xuân mộng</i> (Mộng xuân ở Đông Ngàn)	479
298. <i>Thao Giang quận xá</i> (Ở quận xá miền sông Thao)	480
299. <i>Đề Tiên Du tự</i> (Đề chùa Tiên Du)	481
300. <i>Sơn trung</i> (Trong núi)	482
301. <i>Giang thôn xuân cảnh</i> (Cảnh xuân ở xóm bên sông)	483
302. <i>Diệp mã nhi phủ</i> (Phủ con ngựa lá)	486
303. <i>Thanh Hư động ký</i> (Bài ký Động Thanh Hư)	495
NGUYỄN BÁ THÔNG	
304. <i>Thiên Hưng trấn phủ</i> (Phủ Trấn Thiên Hưng)	500
TRẦN THUẬN DU	
305. <i>Bảo Sơn tự</i> (Chùa Bảo Sơn)	504
306. <i>Thành tây đại ấn lư khẩu chiêm</i> (Vịnh căn nhà đại ấn ở phía tây thành)	506
NGUYỄN MỘNG TRANG	
307. <i>Đề Tây Đô thành</i> (Đề thành Tây Đô)	507
NGUYỄN BIỂU	
308. <i>Họa thơ Trùng Quang Đế</i>	510
309. <i>Ăn cỗ dầu người</i>	510
TRẦN QUÍ KHOÁNG	
310. <i>Tiến Nguyễn Biểu đi sứ</i>	513
311. <i>Tế Nguyễn Biểu</i>	513
SƯ CHÙA YÊN QUỐC	
312. <i>Cầu siêu cho Nguyễn Biểu</i>	515
ĐẶNG DUNG	
313. <i>Cảm hoài</i> (Cảm hoài)	517
LÊ CẢNH TUÂN	
314. <i>Xuân nhật hỷ linh</i> (Ngày xuân mừng trời tạnh nắng)	521
315. <i>Vô ý</i> (Vô ý)	522

316. <i>Chu trung vịnh hoài</i> (Vịnh nổi lòng khi ở trong thuyền)	523
317. <i>Tiên lộ ký nhật hữu cảm</i> (Cảm xúc nhân ngày giỗ tổ tiên)	524
318. <i>Nam Hải huyện Tư Giang dịch dạ bạc</i> (Đêm dừng thuyền ở trạm Tư Giang huyện Nam Hải)	525
319. <i>Quá Nam Xương phủ Đăng Vương các cổ chỉ</i> (Qua nền cũ Đăng Vương các ở phủ Nam Xương)	527
320. <i>Giang trung phùng lập xuân nhật</i> (Trên sông gặp ngày lập xuân)	528
321. <i>Chí nhật thư hoài</i> (Ghi nổi lòng trong ngày chí nhật)	530
322. <i>Cống Châu giang trung phùng tiên tỉ ký nhật</i> (Thuyền đi trên sông ở Cổng Châu gặp ngày giỗ mẹ)	531
323. <i>Nguyên nhật</i> (Ngày đầu năm)	533
324. <i>Mông Lý dịch ngẫu thành</i> (Đến trạm Mông Lý cảm xúc thành thơ)	533
325. <i>Nguyên nhật giang dịch</i> (Ngày Nguyên đán ở trạm trên sông)	534

PHẠM NHỮ DỤC

326. <i>Hạnh dân</i> (Đàn Hạnh)	536
327. <i>Họa Phúc Châu Phùng châu phân tri sĩ số tụng thi vận</i> (Họa vãn thơ của viên Phán quan họ Phùng ở Phúc Châu tụng khi ông ta về hưu)	538
328. <i>Tống Tân An phủ Thông phán trật mãn</i> (Tiền viên Thông phán phủ Tân An hết nhiệm kỳ)	539
329. <i>Đề tân học quán</i> (Đề nhà mới học)	540
330. <i>Tú Giang tinh xá</i> (Nhà đọc sách ở Tú Giang)	541
331. <i>Tầm Mai kiều ngoạn nguyệt</i> (Chơi trăng trên cầu Tầm Mai)	543
332. <i>Đại nhân khánh mạc Bản quản sinh nhật</i> (Tâm thay người khác mừng sinh nhật của viên Bản quản họ Mạc)	544
333. <i>Hạ di cư</i> (Mừng dời nhà ở)	546
334. <i>Xý Quách Huyện thừa</i> (Gửi viên Huyện thừa họ Quách)	547
335. <i>Quách Châu phán quan hồi kinh, tổng quan, đại, thư trật, được tài, lâu bút tạ chi</i> (Viên Phán quan họ Quách về kinh, đưa biếu mũ, đai, sách vở, thuốc men, viết vội bài này để cảm ơn ông ta)	548
336. <i>Hạ Lư Phán quan tăng trật phục nhậm Nam Sách châu</i> (Mừng viên Phán quan họ Lư được thăng trật lại nhậm chức ở châu Nam Sách)	550
337. <i>Đề Tĩnh An Huyện thừa Tăng Tử Phương Túc huấn đường</i> (Đề nhà Túc huấn của viên Huyện thừa huyện Tĩnh An là Tăng Tử Phương)	551
338. <i>Ngũ vãn xi chiêm</i> (Ngước trông năm mây)	553
339. <i>Liên Đình nhũ tập</i> (Buổi gặp gỡ tao nhã ở Liên Đình)	554
340. <i>Dư nhĩếp Tân An quận giáo, chu tam duyệt tuế, thủy trấp thảo đường, tài tất công nhi ngộ binh tiển, cảm cựu ngẫu thành</i> (Tôi quyền chức Giáo thụ quận Tân An, trọn ba năm mới được một nếp nhà tranh, vừa làm xong thì gặp nạn binh hỏa, cảm vì việc cũ, ngẫu nhiên làm thành thơ)	556

341. <i>Thôi Đông Triều châu xuất mộc đầu</i> (Giục châu Đông Triều nộp gỗ)	557
342. <i>Tạ Hoa Chỉ huy tổng thú đầu thông tích</i> (Tạ quan Chỉ huy họ Hoa cho đầu thú và ngói úp nóc)	559
343. <i>Quốc Tướng phổ</i> (Vườn Quốc Tướng)	560
344. <i>Điều thân tây vọng</i> (Trông về phương tây thương nhớ cha mẹ)	561
345. <i>Phá xỉ hỷ tác</i> (Làm đùa khi răng gãy)	562
346. <i>Đoan ngo</i> (Tết Đoan ngo)	564
347. <i>Ty tặc sơn trung trừ dạ</i> (Đêm ba mươi tết tránh giặc trong núi)	565
348. <i>Xuân ý tức sự</i> (Tức cảnh về ý xuân)	567
349. <i>Phong Thủy đình quán ngư</i> (Xem cá ở đình Phong Thủy)	568
350. <i>Lý Hạ trai lai phỏng, phủ thử vận dĩ đáp</i> (Ông Lý Hạ Trai tới thăm, làm bài thơ này để đáp lại)	570
351. <i>Mao trai khiển hoai</i> (tiêu khiển trong nhà tranh)	572
352. <i>Lô Hoa điểm thính châm</i> (Ở điểm Lô Hoa nghe tiếng nện vải)	573
353. <i>Lập Xuân</i> (Ngày lập xuân)	574
354—355. <i>Ký Tuyên Hóa Đào Tri phủ</i> (Gửi Tri phủ họ Đào ở Tuyên Hóa)	575
356—359. <i>Khánh Nguyễn Văn Đồng sinh nhật</i> (Mừng sinh nhật Nguyễn Văn Đồng)	577
360—362. <i>Họa Nguyễn Văn Đồng «Khiển muộn» thi vận</i> (Họa văn bài thơ «khiển muộn» của Nguyễn Văn Đồng)	581
363—366. <i>Tạ Nguyễn Văn Đồng huệ dái</i> (Tạ Nguyễn Văn Đồng cho dái)	584

PHẦN PHỤ LỤC

NGUYỄN BÁ TĨNH	591
367. <i>Liên tử</i> (Hạt sen)	592
368. <i>Mạch môn</i> (Mạch môn)	593
369. <i>Mễ thổ</i> (Giấm thanh)	593
370. <i>My giác</i> (Sừng nai)	594
371. <i>Phong mật</i> (Mật ong)	595
372. <i>Nam dược quốc ngữ phú</i> (Phúc thuốc nam bằng chữ Nôm)	597
373. <i>Trực giải chỉ Nam dược tính phú</i> (Phụ chỉ dẫn tính năng các vị thuốc Nam)	601
TRẦN KÍNH (TRẦN DUỆ TÔNG)	604
374. <i>Xích chủ hầu</i> (Hầu mồm đỏ)	604
375. <i>Nguyễn Bích Châu tế văn</i> (Văn tế Nguyễn Bích Châu)	605
NGUYỄN BÍCH CHÂU	607
376. <i>Kê minh thập sách</i> (Kê minh thập sách)	608
LĨNH NAM CHÍCH QUÁI	611
377. <i>Hà Ô Lôi truyện</i> (Truyện Hà Ô Lôi)	616

378. Hồng Bàng thi truyện (Truyện Họ Hồng Bàng)	634
379. Nhất Dạ Trạch truyện (Truyện Nhất Dạ Trạch)	647
380. Mau Nương truyện (Truyện Mau Nương)	659
381. Bạch trĩ truyện (Truyện Chim trĩ trắng)	665
BÙI BÁ KỲ	669
382—383. Thương Minh đế thi (Thơ dâng lên vua nhà Minh)	669
384. Cáo nạn biểu (Tờ biểu cáo nạn)	671
NGUYỄN CẦN	673
385. Hạ Môn hạ sảnh Tư Lang Trung (Mừng quan Tư Lang Trung ở tòa Môn hạ sảnh)	673
HỒ NGUYỄN TRỪNG	675
386. Nam Ông mộng lục tự (Bài tựa tập «Nam Ông Mộng lục»)	677
387. Nghê Vương thủy mặc (Truyện Nghê Vương)	680
388. Trúc Lâm thi tịch (Trúc Lâm thi tịch)	687
389. Tô linh định mệnh (Linh hồn ông định ngôi cho cháu)	688
390. Đức tất hữu vị (Có đức ắt có địa vị)	690
391. Phụ đức trình minh (Sự kiên trinh sáng suốt của người đàn bà)	692
392. Văn tang khí tuyệt (Nghe tang, tất thổ)	693
393. Văn Trình ngạnh trực (Văn Trình con người cứng rắn và ngay thẳng)	695
394. Y thiện dụng tâm (Thầy thuốc có từ tâm)	697
395. Dũng lực thần dị (Dũng mãnh thần kỳ)	699
396. Phu thế tử tiết (Vợ chồng chết vì tiết nghĩa)	701
397. Tăng dao thần thông (Phép thần thông của Tăng, Đạo)	703
398. Tẩu chương minh nghiệm (Tờ tâu lên Thiên đình có ứng nghiệm)	704
399. Áp Lăng chân nhân (Tiên áp lăng)	706
400. Minh Không thần dị (Phép thần dị của Minh Không)	708
401. Nhập mộng liệu bệnh (Chữa bệnh trong chiêm bao)	711
402. Ni sư đức hạnh (Đạo đức và phẩm hạnh của một vị sư nữ)	712
403. Cảm kích đồ hành (Vị cảm động mà đi bộ)	714
404. Điệp tự thi cách (Kiểu làm thơ lặp chữ)	717
405. Thi ý thanh tân (Ý thơ tươi mới)	719
406. Trung trực thiện chung (Sống ngay thẳng, chết yên lành)	722
407. Thi phùng trung gián (Làm thơ bóng gió hết lòng khuyên can)	725
408. Thi dụng tiền nhân cảnh cú (Thơ dụng câu hay của người xưa)	727
409. Thi ngôn tự phụ (Thơ nói lên lòng tự phụ)	729
410. Thi lữ kinh nhân (Thơ rượi kinh người)	731
411. Thi triệu dư khương (Điền thơ để phúc về sau)	733

412. <i>Thi xứng tương chức</i> (Thơ xứng với chức Tề tướng)	735
413. <i>Thi thần tri quân</i> (Ngâm ngợi với chữ «Tri quân»)	736
414. <i>Quý khách tương hoan</i> (Khách quý vui vẻ với nhau)	738
415. <i>Nam ông mộng lục hậu tự</i> (Bài tựa sau của tập «Nam Ông mộng lục»)	740

CÁC BẢNG TRA CỨU 740

I. Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III (1344 - 1428)	745
II. Niên biểu khái quát các sự kiện có liên quan tới văn học (1344 - 1428)	751
III. Sách báo và tài liệu tham khảo chính	760
IV. Sách dẫn	762